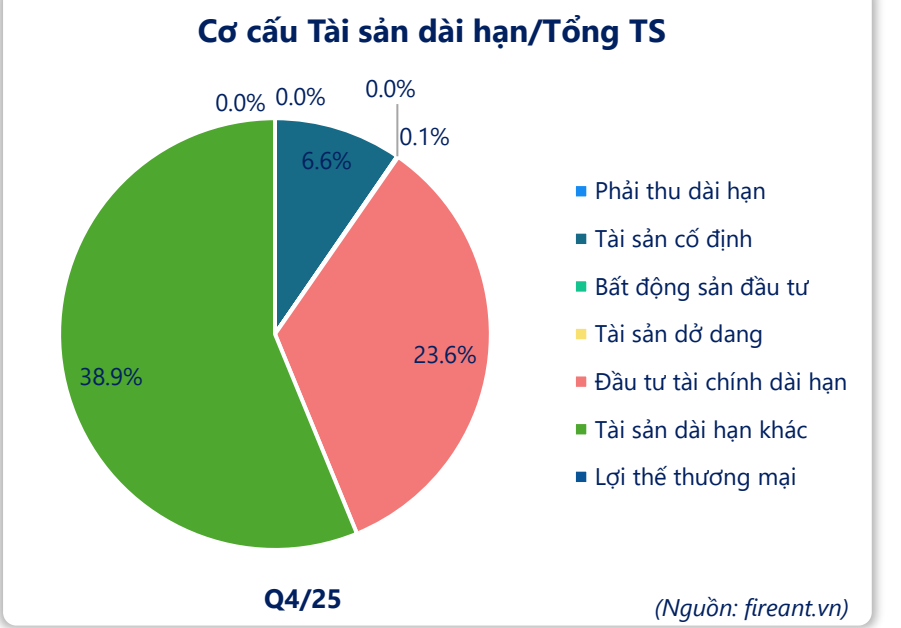
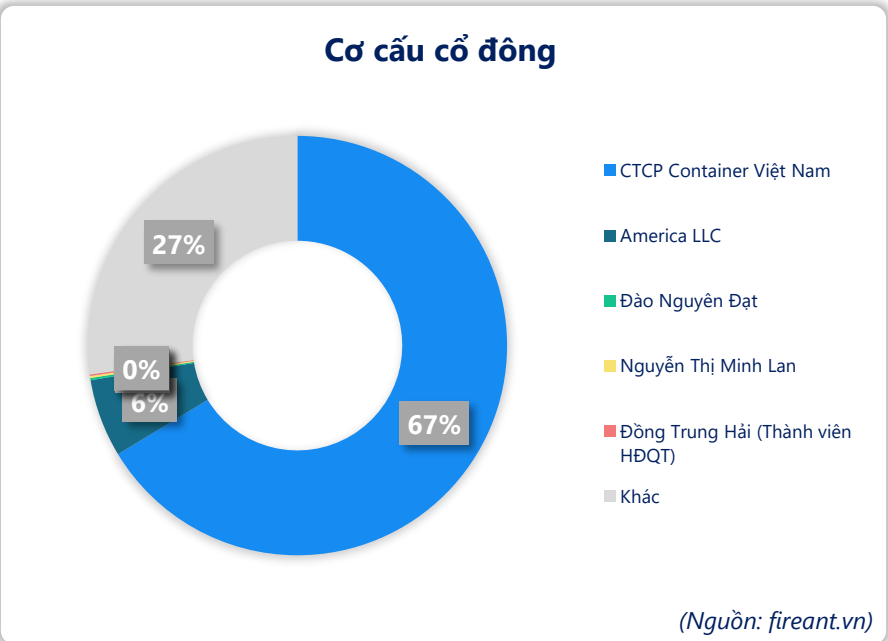
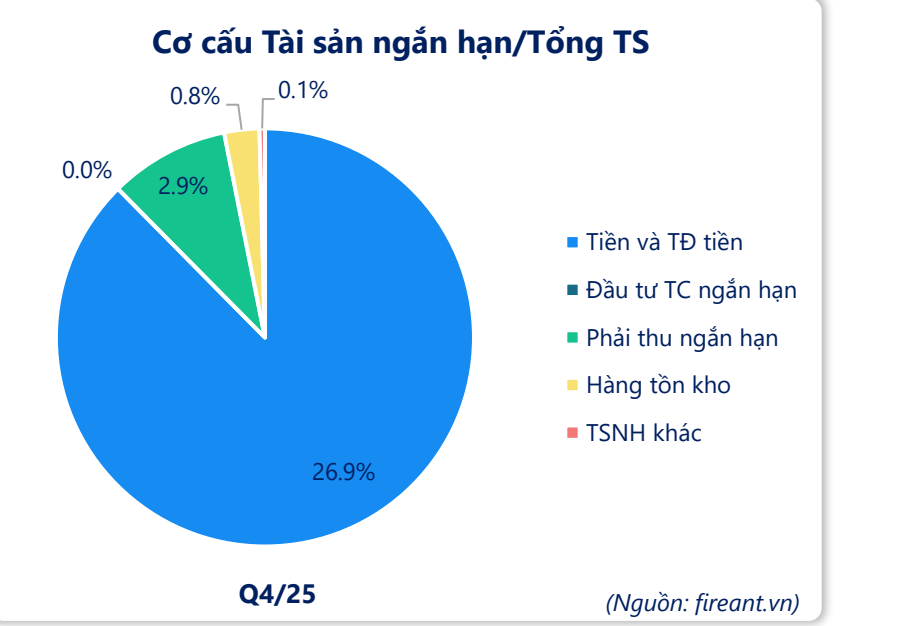
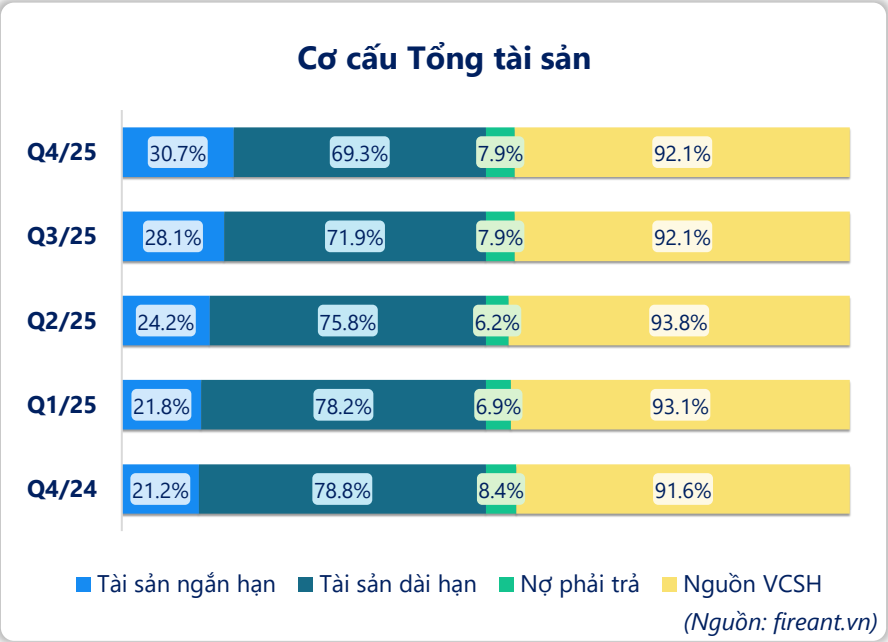
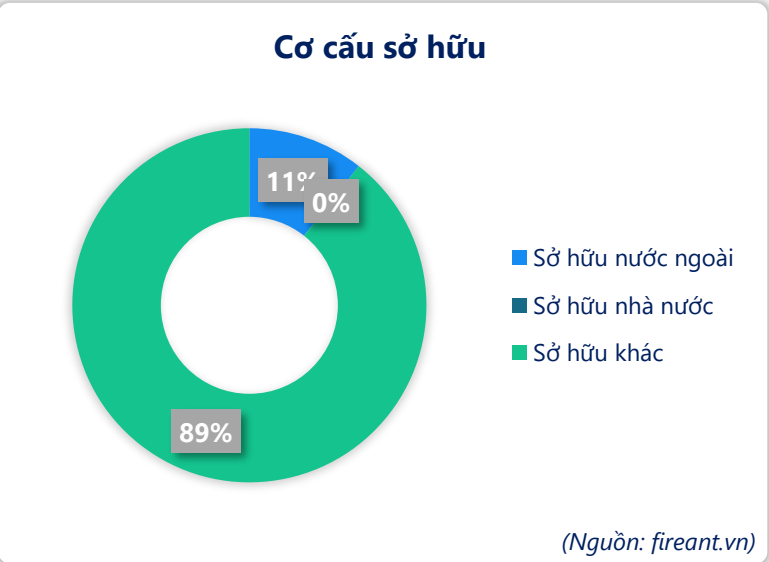
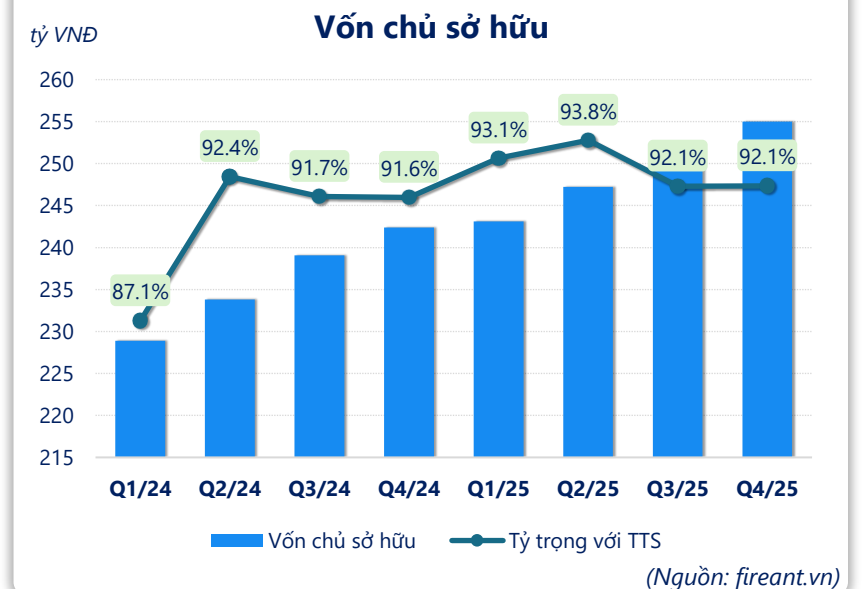
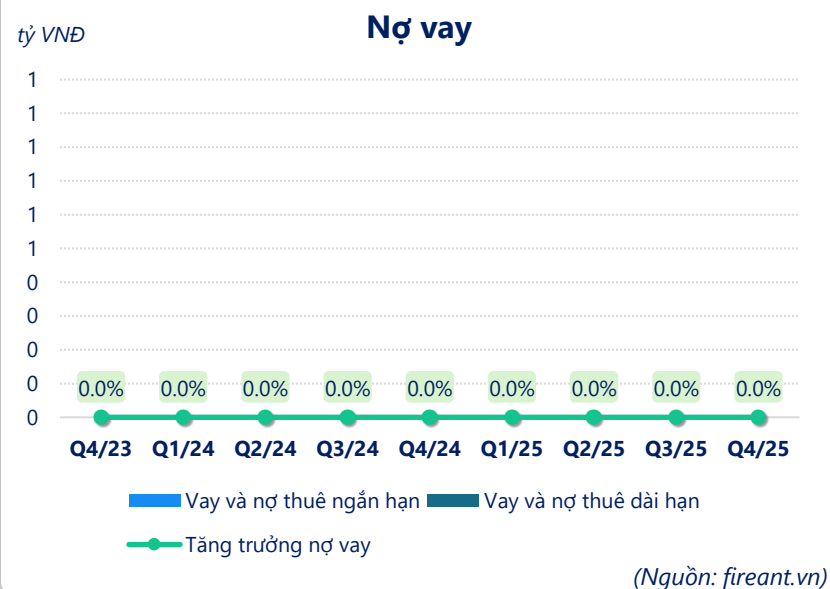
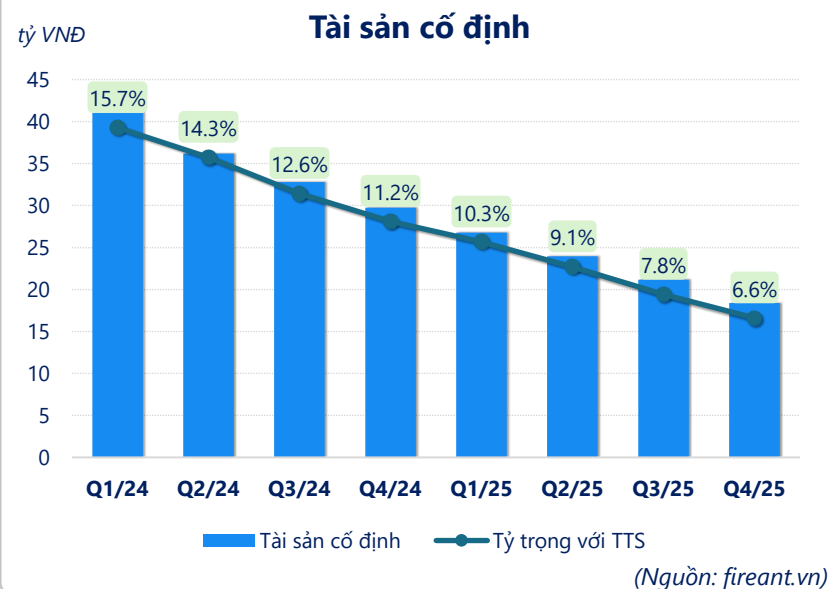
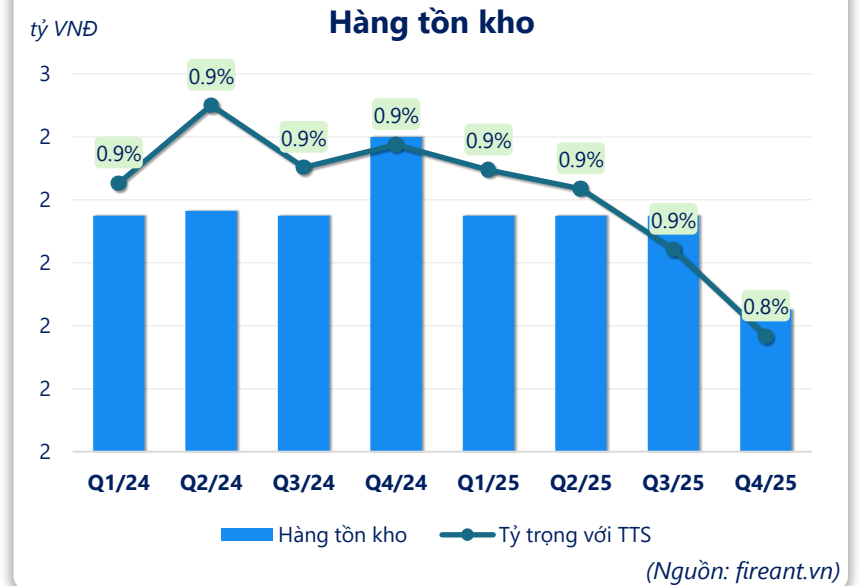
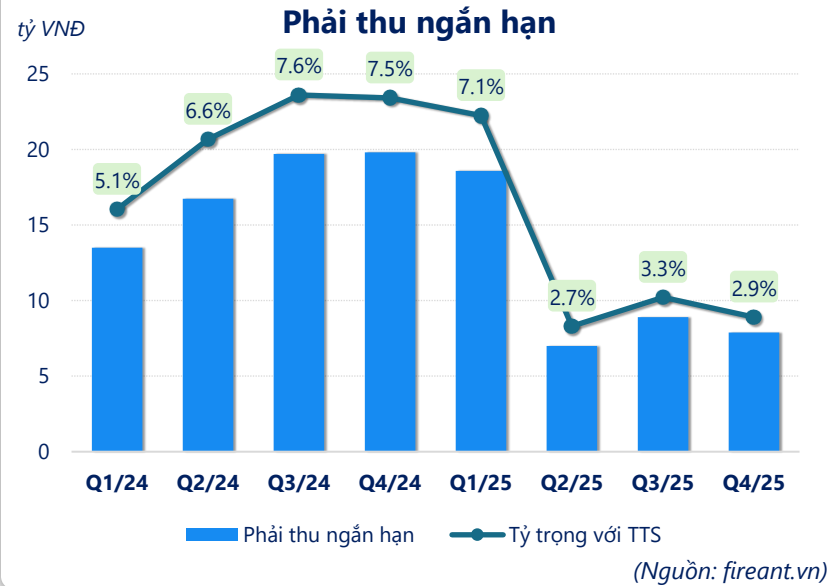
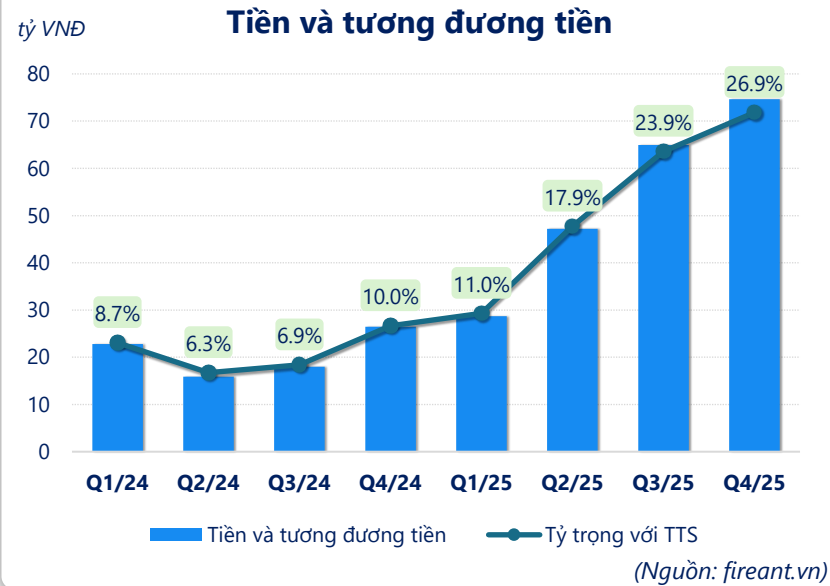
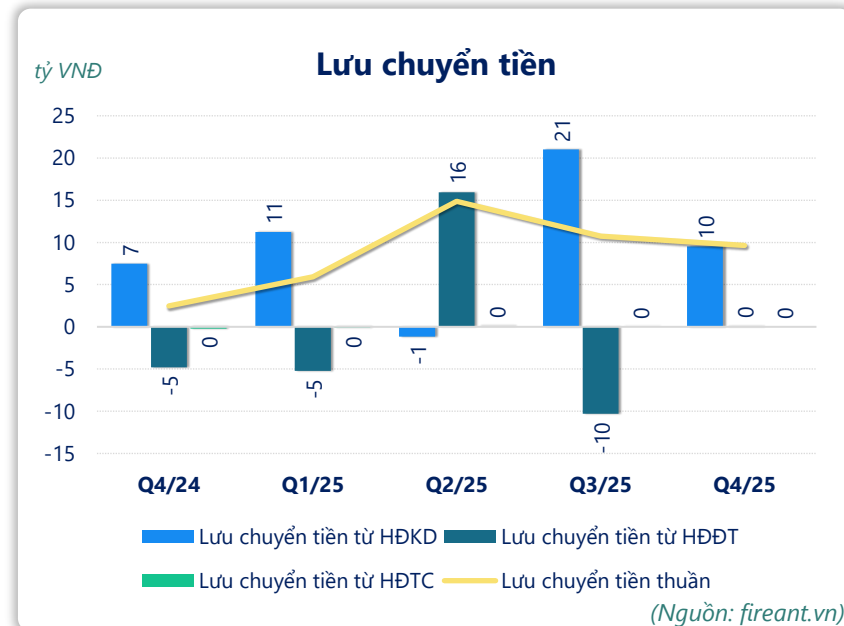
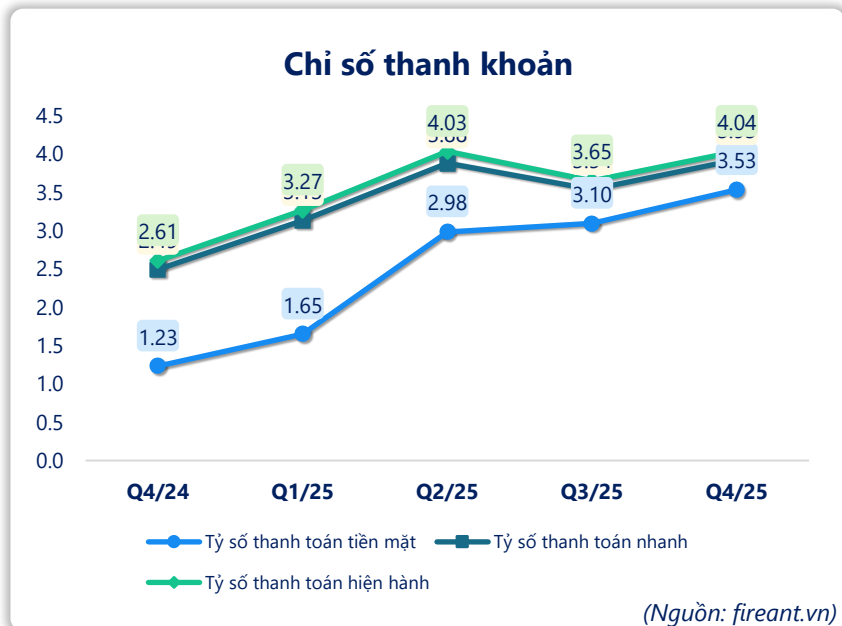
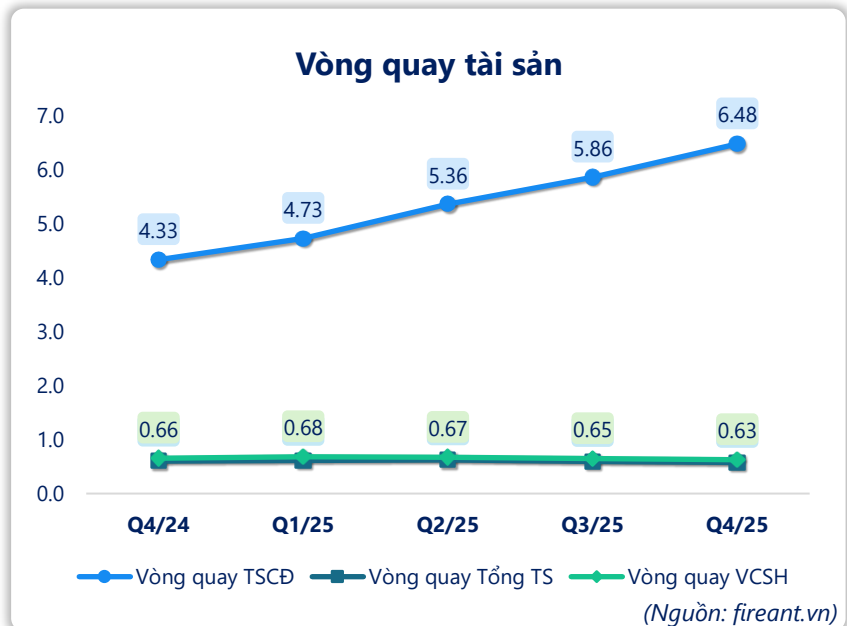
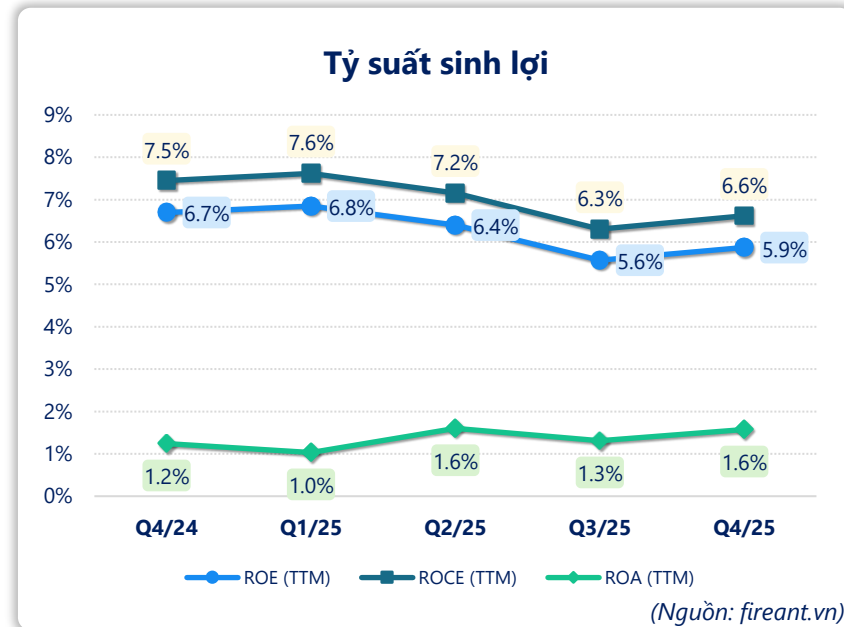
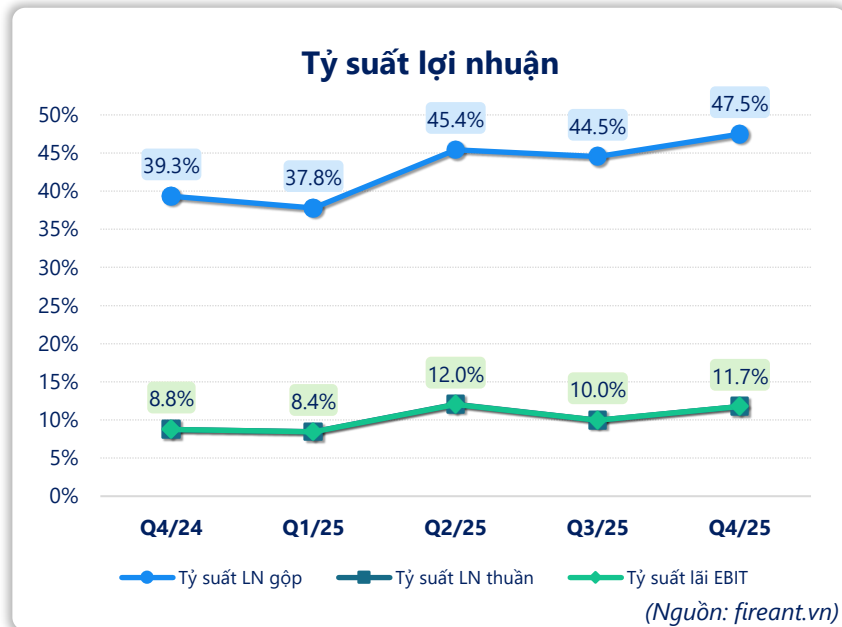
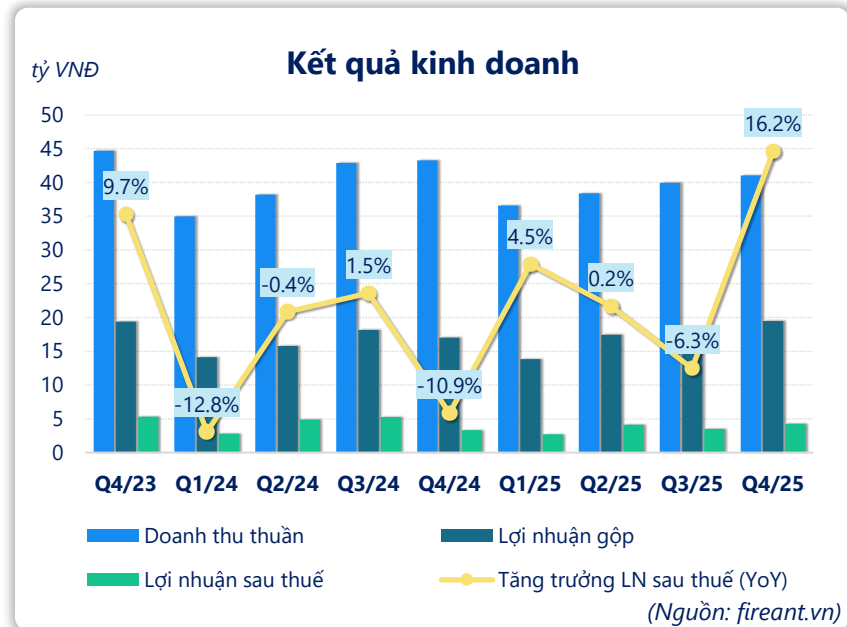


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,800
SL cổ phiếu LH		12,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		320
% sở hữu nước ngoài		10.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		176
P/E		12.0
EPS		1,204

	YTD	1T	3T	6T
GIC	-7.1%	3.6%	-7.1%	-4.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	277	263	5.5%
Tài sản ngắn hạn	85.2	54.1	57.5%
Tiền và tương đương tiền	74.6	33.4	123%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.89	17.9	-55.9%
Hàng tồn kho	2.31	2.45	-5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.29	23.0%
Tài sản dài hạn	192	208	-8.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	18.4	29.7	-38.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.5	67.6	-3.2%
Tài sản dài hạn khác	108	111	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.0	20.2	8.8%
Nợ ngắn hạn	21.1	19.5	8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.75	3.36	-18.3%
Nợ dài hạn	0.88	0.65	33.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	255	242	5.2%
Vốn chủ sở hữu	255	242	5.2%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	43.3	36.6	38.4	40.0	41.0
Giá vốn hàng bán	26.2	22.8	20.9	22.2	21.6
Lợi nhuận gộp	17.0	13.8	17.4	17.8	19.5
Doanh thu HĐTC	0.34	0.31	0.38	0.45	0.55
Chi phí TC	1.12	0.33	0.70	0.62	0.51
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.0	9.00	11.1	12.0	13.1
Chi phí QLDN	1.40	1.71	1.43	1.65	1.62
LN thuần từ HĐKD	3.79	3.09	4.62	3.99	4.82
Lợi nhuận khác	0	0.00	-0.01	0	0
LN trước thuế	3.79	3.09	4.61	3.99	4.82
Lợi nhuận sau thuế	3.30	2.70	4.14	3.50	4.25
LNST của CĐ cty mẹ	3.30	2.70	4.14	3.50	4.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.47	11.2	-1.16	21.0	9.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.79	-5.21	15.9	-10.3	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.20	-0.10	0.09	0.01	0
Tiền đầu kỳ	18.0	22.8	28.7	54.2	65.0
Lưu chuyển tiền thuần	2.48	5.91	14.9	10.7	9.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.4	28.7	54.2	65.0	74.6

(Nguồn: fireant.vn)